

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 06/7/2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong;

2. Ông Danh On.

- Thư ký phiên tòa: Ông Từ Văn Nhứt - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST–HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Trần Văn T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: chị **Lê Thị L** (Lê Thảo L), sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh Trần Văn T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị Lê Thị L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 và tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2020 nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Lê Thị L có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 22/6/2011. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị L.

Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn T xác định trong quá trình chung sống, giữa anh và chị L có một đứa con chung, cháu tên Trần Lê Anh T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2011, hiện tại T sống chung với chị L. Nay anh T đồng ý để cho chị L nuôi con và anh không phải cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn chị Lê Thị L không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của chị L để lấy lời khai nhưng chị L vắng mặt. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của chị L xác định: Chị Lê Thị L vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại chị L vắng mặt nơi cư trú, khi bỏ đi thì không có trình báo hay xin vắng mặt. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay chị L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị L;

Về quan hệ con chung: tục giao cháu Trần Lê Anh T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2011 cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lê Anh T. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

Về quan hệ tài sản chung: anh Trần Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị L nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Đồng thời, bị đơn chị Lê Thị L cư trú tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Văn T và chị Lê Thị L.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Lê Thị L tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 22 tháng 6 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa anh T và chị L có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị L. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn gia đình của anh T và chị Lê Thị L làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh Trần Văn T và chị Lê Thị L không thực hiện được. Mặc dù hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị L.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn T và chị Lê Thị L có một đứa con chung, cháu tên Trần Lê Anh T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2011. Nay anh T đồng ý để cho chị L nuôi con và anh không phải cấp dưỡng. Tuy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu Trần Lê Anh T để biết cháu có nguyện vọng sống cùng với anh Trần Văn T hay chị Lê Thị L nhưng anh T xác định hiện tại T sống chung với chị L, bên cạnh đó Tòa án có xác minh ở địa phương thì được biết T sống cùng với chị Lê Thị L. Từ đó, để không làm xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt, cũng như để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Trần Lê Anh T nên cần thiết tiếp tục giao cháu Trần Lê Anh T cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi T. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn T chịu 300.000đ.

[7] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Lê Thị L;

[2] Về con chung: tiếp tục giao cháu Trần Lê Anh T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2011 cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lê Anh T. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Do anh Trần Văn T đã dự nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002974 ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt